

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo huyện Nam Đông đến năm 2025 định hướng đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững;

Căn cứ Quyết định số 2162/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xây dựng Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

Thực hiện Kế hoạch số 187/KH-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2018 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc Kế hoạch thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030, Ủy ban nhân dân huyện Nam Đông ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo huyện Nam Đông đến năm 2025 định hướng đến năm 2030.

I. Mục tiêu chung

Xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông huyện Nam Đông chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người; các chỉ tiêu sẽ được cụ thể hóa vào kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo hàng năm để đến năm 2030 đạt các mục tiêu chung sau:

1. Đảm bảo tất cả các trẻ em gái và trai hoàn thành chương trình tiểu học, giáo dục trung học cơ sở miễn phí, công bằng, có chất lượng.
2. Tất cả các trẻ em trong độ tuổi mầm non được chăm sóc, giáo dục có chất lượng để phát triển toàn diện, chuẩn bị sẵn sàng vào tiểu học.
3. Đảm bảo tất cả mọi người được tiếp cận giáo dục sau phổ thông có chất lượng, với chi phí học tập phù hợp với mức sống và mức thu nhập.
4. Xóa bỏ bất bình đẳng giới trong giáo dục; đảm bảo quyền tiếp cận bình đẳng trong giáo dục, đào tạo ở tất cả các cấp học cho người khuyết tật, người dân tộc thiểu số và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương.
5. Tất cả thanh thiếu niên và hầu hết người trưởng thành, không phân biệt giới tính, đều biết đọc, biết viết và biết tính toán.
6. Tất cả người học đều được trang bị những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thúc đẩy phát triển bền vững, bao gồm: giáo dục về lối sống bền vững, quyền con người, bình đẳng giới, thúc đẩy một nền văn hóa hòa bình, không bạo lực; thực hiện giáo dục công dân toàn cầu, thích ứng cao với sự đa dạng văn hóa, nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa của dân tộc, thúc đẩy sự đóng góp của văn hóa đối với phát triển bền vững.

II. Các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể

1. Tăng tiếp cận giáo dục cho mọi người

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo huyện Nam Đông giai đoạn 2015-2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

Tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế người dân đưa con trong độ tuổi đến trường, đặc biệt là trẻ em khuyết tật, trẻ sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu. Thực hiện giáo dục hòa nhập, giáo dục đặc biệt cho trẻ khuyết tật.

Nâng cao chất lượng giáo dục tiểu học, trung học cơ sở và tăng cường công tác quản lý chất lượng giáo dục tiểu học và trung học cơ sở trong bối cảnh đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông bao gồm cả đổi mới hệ thống đánh giá và kiểm định chất lượng các cấp. Giảm sự bất bình đẳng và chênh lệch về chất lượng giáo dục giữa các vùng, miền, giảm tỷ lệ trẻ bỏ học, trẻ em ngoài nhà trường.

Đảm bảo ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục được tập trung ưu tiên cho giáo dục phổ cập, giáo dục ở những vùng khó khăn, dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu và các đối tượng chính sách xã hội.

Tăng cường hiệu quả công tác thống kê, theo dõi bình đẳng giáo dục, bao gồm tiếp cận, chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Thực hiện giám sát xã hội đối với chất lượng và hiệu quả giáo dục huyện Nam Đông.

2. Chăm sóc, giáo dục trẻ thơ có chất lượng

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đặc biệt chất lượng giáo dục văn hóa, đạo đức, kỹ năng sống, pháp luật, ngoại ngữ, tin học.

Triển khai thực hiện Quy hoạch mạng lưới trường, lớp theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa và tiếp cận hội nhập trong khu vực và quốc tế.

Xây dựng Kế hoạch huy động nguồn lực cho phát triển hệ thống giáo dục mầm non; tăng cường lực lượng giáo viên được đào tạo đúng chuyên ngành, phát huy vai trò của khu vực tư nhân trong cung ứng dịch vụ giáo dục mầm non; huy động các thành phần kinh tế đầu tư hệ thống nhà trẻ, trường, lớp, mầm non.

Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ hướng tới đạt chuẩn chất lượng giáo dục mầm non trong khu vực, phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, tiền đề hình thành nhân cách phẩm chất năng lực công dân toàn cầu, chuẩn bị tốt cho trẻ vào học phổ thông.

Huy động ít nhất 43% trẻ em độ tuổi nhà trẻ, 99% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo, trong đó 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi đi học, tiếp tục duy trì chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi.

Nâng cao nhận thức cộng đồng, nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ có trẻ em khuyết tật về sự cần thiết đối với phát triển toàn diện sức khỏe và trí tuệ của trẻ em từ giai đoạn trẻ thơ.

Tăng cường điều phối và phối hợp liên ngành để đảm bảo sự liên kết giữa các can thiệp phát triển trẻ thơ lồng ghép có chất lượng.

Có chính sách hỗ trợ thích hợp để bảo đảm các trẻ em nghèo, trẻ em bị khuyết tật,

nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt có điều kiện tiếp cận dịch vụ chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non.

Phần đầu 100% trường mầm non công lập có đủ đồ dùng dạy học theo quy định, hướng tới tiên tiến, hiện đại, được lắp đặt hạ tầng công nghệ thông tin để thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học (sử dụng phần mềm quản lý, camera nội bộ, ti vi, máy tính tại các nhóm, lớp để có thể kết nối với thư viện điện tử toàn ngành).

3. Thực hiện chính sách giáo dục, đào tạo đảm bảo bình đẳng trong giáo dục và xóa bỏ chênh lệch còn tồn tại đối với các đối tượng dễ bị tổn thương.

Xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm đảm bảo bình đẳng về cơ hội học tập, hỗ trợ và ưu tiên phát triển giáo dục và đào tạo nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng khó khăn, các đối tượng chính sách xã hội, người nghèo.

Có chính sách hỗ trợ thích hợp để bảo đảm các trẻ em nghèo, trẻ em bị khuyết tật, nhóm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt có điều kiện tiếp cận dịch vụ chăm sóc giai đoạn trẻ thơ và giáo dục mầm non.

Đảm bảo công tác lập kế hoạch và dự toán ngân sách phát triển giáo dục đào tạo hằng năm và trung hạn có lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững và có các biện pháp phù hợp để thúc đẩy tiếp cận và chất lượng giáo dục bao gồm phát triển toàn diện trẻ thơ, giáo dục phổ thông và sau phổ thông.

Đầu tư ngân sách có trọng điểm, không bình quân dàn trải cho các cơ sở giáo dục công lập. Từng bước chuẩn hóa, hiện đại hóa cơ sở vật chất, đảm bảo đủ nguồn lực tài chính và phương tiện dạy học tối thiểu của tất cả các cơ sở giáo dục; ưu tiên đầu tư xây dựng một số trường chất lượng cao, trường dân tộc nội trú.

Tăng cường, ưu tiên đào tạo nhân lực cho các vùng dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn bằng các hình thức phù hợp.

4. Xây dựng xã hội học tập

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012-2020; triển khai xây dựng Đề án xây dựng xã hội học tập cho giai đoạn tiếp theo 2021-2025 và 2026-2030.

Đảm bảo điều kiện cho mọi người, nhất là ở vùng miền núi, nông thôn, vùng khó khăn, các đối tượng diện chính sách được tiếp tục học tập ở mọi lúc, mọi nơi, mọi trình độ nhằm nâng cao dân trí, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng suất lao động, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên và hình thức học tập phong phú, linh hoạt, coi trọng tự học, tăng cường áp dụng hình thức giáo dục từ xa, nhất là học tập qua mạng Internet.

Củng cố, phát triển bền vững các trung tâm học tập cộng đồng; tăng cường các biện pháp nâng cao chất lượng hoạt động của các trung tâm học tập cộng đồng; đa dạng hóa nội dung giáo dục; phần đầu 100% trung tâm học tập cộng đồng hoạt động có hiệu quả; phát triển mô hình trung tâm học tập cộng đồng kết hợp với trung tâm văn hóa thể thao xã, thị trấn hoạt động có hiệu quả.

5. Trang bị kỹ năng, kiến thức cần thiết cho người học để thúc đẩy phát triển bền vững.

Tăng cường các nội dung giáo dục về: phát triển bền vững, lối sống bền vững, quyền con người, bình đẳng giới, ngăn chặn và chống bạo lực, công dân toàn cầu, ý thức tôn trọng sự đa dạng văn hóa trong chính sách giáo dục quốc gia và trong nội dung chương trình giảng dạy ở tất cả các cấp học.

Tăng cường các nội dung giáo dục có tính thực tiễn, sử dụng phương pháp dạy học tích cực, học qua trải nghiệm/nghiên cứu, học qua các dự án/ tình huống và phương pháp tiếp cận trường học toàn diện.

Tăng cường năng lực của cơ sở giáo dục trong lồng ghép phát triển bền vững xuyên suốt hệ thống giáo dục cả chính quy và không chính quy.

Tăng nguồn cung giáo viên có trình độ cao, thông qua hợp tác quốc tế về đào tạo giáo viên của các cấp học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

6. Xây dựng môi trường học tập an toàn, không bạo lực, toàn diện và hiệu quả cho tất cả mọi người.

Triển khai thực hiện hệ thống các tiêu chí/tiêu chuẩn về cơ sở hạ tầng giáo dục thân thiện với trẻ em, người khuyết tật và bình đẳng giới tương ứng với các tiêu chí của Liên Hợp Quốc.

Xây dựng quy chế phối hợp giữa các trường với UBND các xã, thị trấn và công an phụ trách khu vực địa bàn để tăng cường quản lý các cơ sở giáo dục.

Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phối hợp trách nhiệm gia đình, nhà trường, xã hội trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục trẻ tại mỗi cơ sở giáo dục. Khảo sát, đánh giá thực hiện cam kết với cha mẹ trẻ.

Bảo đảm các cơ sở giáo dục xây mới đáp ứng các tiêu chí thân thiện với trẻ em, bao gồm cả trẻ khuyết tật; đồng thời sửa chữa, nâng cấp các cơ sở giáo dục đang hoạt động để đáp ứng tiêu chí đề ra.

Huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho việc xây dựng và nâng cấp các cơ sở giáo dục.

7. Giáo dục, nâng cao nhận thức, năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

Tăng cường vai trò điều phối, mở rộng phối hợp đối tác để huy động nguồn lực và liên kết các can thiệp ứng phó với thiên tai và tình huống khẩn cấp trong giáo dục để hạn chế tình trạng gián đoạn học tập do thiên tai xảy ra, tăng cường theo dõi, giám sát và nâng cao năng lực hệ thống giáo dục trong việc chuẩn bị dự phòng, chống chịu và thích ứng với thiên tai, tác động của biến đổi khí hậu trong khuôn khổ triển khai trường học an toàn.

Đưa kiến thức cơ bản về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai vào trong chương trình giáo dục, đào tạo các cấp học; xây dựng các chương trình đào tạo; phát triển và có chính sách đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao các chuyên ngành liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm phát thải khí nhà kính.

Thực hiện sáng kiến trường học an toàn, các hoạt động bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai lấy trẻ em/học sinh làm trung tâm.

Duy trì và đẩy mạnh phong trào trồng cây, ý thức bảo vệ và chăm sóc cây xanh trong trường học; ý thức giữ gìn vệ sinh môi trường, tạo môi trường xanh - sạch - đẹp

trong các cơ sở giáo dục; xây dựng trường học xanh và thân thiện.

III. Chỉ số theo dõi, giám sát (có phụ biểu đính kèm)

IV. Giải pháp thực hiện

1. Lồng ghép, tích hợp vào các hoạt động để nâng cao nhận thức của nhà giáo, cán bộ quản lý, học sinh trong toàn ngành về phát triển bền vững và các mục tiêu phát triển bền vững trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, triển khai nội dung Kế hoạch đến các cấp, các ngành, các lực lượng xã hội nhằm tạo sự đồng thuận, chung sức chỉ đạo và triển khai thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch.

2. Triển khai hiệu quả việc đổi mới nội dung, chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông theo tiếp cận năng lực; thực hiện chương trình tích hợp các chủ đề về giảm rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bình đẳng giới, giáo dục giới tính toàn diện, công dân toàn cầu, kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp, văn hóa di sản:

Tích hợp, lồng ghép có chọn lọc những kiến thức về giáo dục công dân toàn cầu, bình đẳng giới, giáo dục giới tính toàn diện, phát triển bền vững và ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, kỹ năng sống, định hướng nghề nghiệp, văn hóa di sản, phòng, chống HIV/AIDS vào các môn học trong chương trình sách giáo khoa phù hợp với từng cấp học và các hoạt động, phong trào của ngành giáo dục.

Thực hiện nội dung chương trình giáo dục đào tạo hướng tới nâng cao nhận thức và hành động của học sinh, gia đình, xã hội về công bằng trong giáo dục bình đẳng giới, giáo dục giới tính toàn diện, kỹ năng sống và công dân toàn cầu; nâng cao trình độ văn hóa cho đồng bào dân tộc thiểu số, thu hẹp khoảng cách phát triển giáo dục giữa các vùng, miền; thực hiện công bằng giáo dục cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi. Đổi mới công tác đánh giá kết quả học tập của học sinh theo hướng đánh giá việc hình thành các năng lực, kỹ năng và thái độ bên cạnh tiếp thu kiến thức.

Bồi dưỡng, cập nhật nâng cao năng lực cho giáo viên để thực hiện có hiệu quả chương trình, sách giáo khoa mới, nhất là đổi mới phương pháp để giúp học sinh hình thành các năng lực, kỹ năng và thái độ cần thiết trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0 và xu hướng hội nhập quốc tế. Có cơ chế giám sát để bảo đảm công cuộc đổi mới chương trình được triển khai có hiệu quả, thực chất và bền vững.

3. Tăng cường quản trị trường học hiệu quả và huy động sự tham gia của tất cả học sinh, gia đình, xã hội vào quá trình quản trị trường học; xây dựng môi trường văn hóa nhà trường, văn hóa trong học tập; tạo lập môi trường học tập công bằng, toàn diện, không bạo lực cho tất cả học sinh:

Đổi mới quản lý giáo dục ở các cấp, đặc biệt là tăng cường hiệu quả quản lý nhà trường; xây dựng cơ chế xác lập quyền tự chủ của nhà trường ở tất cả các cấp học, trình độ đào tạo; thực hiện kế hoạch giáo dục đi đôi với việc nâng cao năng lực quản trị nhà trường, trách nhiệm giải trình của đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ và chức năng kiểm tra, giám sát.

Các cấp, các ngành, các cơ sở giáo dục thực hiện nghiêm túc các quy định về phân cấp quản lý nhà nước về giáo dục; xác lập cơ chế phối hợp đồng bộ, nhịp nhàng từ trên xuống dưới, từ xây dựng kế hoạch đến thông tin báo cáo phản hồi, giúp các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục chủ động kết nối được nhiệm vụ với điều kiện về nhân lực, tài chính trong quá trình thực hiện.

Xây dựng quy hoạch dài hạn phát triển nguồn nhân lực, dự báo nhu cầu về số lượng, chất lượng nhân lực, cơ cấu ngành nghề, trình độ và phối hợp với các cơ sở giáo dục, đào tạo thực hiện. Quy hoạch, kế hoạch phát triển nhân lực là nhiệm vụ then chốt của quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, của huyện.

Áp dụng chính phủ điện tử trong quản lý giáo dục và đào tạo. Thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp trong từng thời kỳ đi đôi với việc đảm bảo các điều kiện phát triển giáo dục và coi đó phải là tiêu chí để đánh giá kết quả lãnh đạo, chỉ đạo của người đứng đầu và chính quyền các cấp. Xác lập cơ chế phối hợp, báo cáo để Kế hoạch được triển khai hiệu quả trong hệ thống giáo dục và đào tạo.

Xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục theo chuẩn nghề nghiệp, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; đổi mới nội dung, chương trình giáo dục mầm non, phổ thông.

Tập trung đào tạo đội ngũ cán bộ, giáo viên người dân tộc thiểu số, người địa phương và lực lượng lao động có tay nghề góp phần giải quyết nguồn nhân lực tại chỗ cho vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

Tăng cường nội dung giáo dục đạo đức, giáo dục công dân trong nhà trường; giữ gìn, tôn vinh và khắc sâu các giá trị nhân văn, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc trong các thể hệ học sinh.

Xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, tổ chức hội thảo kỹ thuật bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên, cán bộ phụ trách công tác Đoàn - Hội - Đội, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục thực hiện quy trình phòng ngừa và xử lý các vấn đề xâm hại, bạo lực trẻ em, tư vấn học đường và các phương pháp kỷ luật tích cực.

Thực hiện cơ chế dân chủ cơ sở trong trường học; xây dựng văn hóa học đường trong tất cả cơ sở giáo dục và đào tạo; xây dựng môi trường tự học và sáng tạo trong nhà trường, xem đó là động lực phát triển của cán bộ, giáo viên và học sinh.

Nghiên cứu thiết lập các dịch vụ can thiệp, hỗ trợ đối với các đối tượng bị bạo lực, bị xâm hại ngay tại trường học.

4. Rà soát, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển giáo dục, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật nhằm thiết lập cơ chế đảm bảo tài chính, cải tiến chính sách giáo dục và tăng cường công tác lập kế hoạch hàng năm, trung hạn; đảm bảo lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển bền vững vào kế hoạch và ngân sách của các cấp, các ngành:

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến địa phương, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục đào tạo; chú trọng thu hẹp và xóa bỏ khoảng cách chênh lệch bất bình đẳng trong tiếp cận, chất lượng và hiệu quả giáo dục.

Huy động các nguồn lực tài chính trong và ngoài nước để đầu tư cho giáo dục đào tạo; khuyến khích xã hội hóa giáo dục, tạo hành lang pháp lý để thu hút nguồn lực xã hội, đặc biệt là nguồn tài chính từ khu vực tư nhân cho phát triển giáo dục đào tạo.

5. Thiết lập cơ chế cung cấp tài chính hướng tới công bằng trong giáo dục cho trẻ em gái, trẻ khuyết tật, trẻ em dân tộc thiểu số và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương:

Tăng cường đầu tư ngân sách, cơ sở vật chất để hỗ trợ phát triển giáo dục đối với vùng khó khăn, vùng dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách xã hội; tiếp tục củng cố, phát triển hệ thống trường lớp, cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện của vùng dân tộc thiểu số, vùng bị ảnh hưởng bởi thiên tai và biến đổi khí hậu, miền núi. Tham mưu xây dựng và thực hiện chính sách miễn học phí cho giáo dục mầm non 5 tuổi, giáo dục trung học cơ sở.

Nghiên cứu, đề xuất xây dựng bộ công cụ và tài liệu hướng dẫn, hỗ trợ giáo viên, cha mẹ trẻ về phát hiện sớm, can thiệp sớm đối với trẻ có nguy cơ chậm phát triển và trẻ khuyết tật; đẩy mạnh giáo dục hòa nhập đối với trẻ khuyết tật; thí điểm và nhân rộng mô hình trung tâm tư vấn hỗ trợ chăm sóc, giáo dục trẻ dựa vào cộng đồng. Thực hiện ưu tiên hỗ trợ tài chính cho các hoạt động này.

Ưu tiên bố trí nhân lực, ngân sách, cơ sở vật chất; đồng thời khuyến khích xã hội hóa giáo dục phù hợp với vùng kinh tế - xã hội khó khăn, nhằm huy động các nguồn lực xã hội tham gia vào giáo dục trẻ em gái, trẻ khuyết tật, trẻ em dân tộc thiểu số và trẻ em trong những hoàn cảnh dễ bị tổn thương.

Thực hiện đầy đủ các chính sách dành cho nhà giáo, cán bộ quản lý, trẻ em, học sinh đang công tác, học tập tại vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng khó khăn.

V. Tổ chức thực hiện

1. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Hướng dẫn, chỉ đạo các cơ sở giáo dục trên địa bàn huyện triển khai thực hiện Kế hoạch.

Cụ thể hóa các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch vào quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành; chủ trì hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện.

Tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của công chức, viên chức toàn ngành giáo dục và đào tạo về phát triển bền vững; quán triệt, lồng ghép nhiệm vụ vào các chương trình, hành động khác để thực hiện thành công Kế hoạch này.

Phối hợp với các phòng, ban, UBND các xã, thị trấn, các tổ chức chính trị khác trong việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Các Phòng, ban, tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các cơ quan có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao, cụ thể hóa hoạt động của Kế hoạch này vào kế hoạch hằng năm của cơ quan mình để phối hợp chỉ đạo, quản lý và tạo điều kiện về cơ chế, nhân lực, tài chính cho các cấp, các phòng, ban triển khai thực hiện.

3. UBND các xã, thị trấn

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo tổ chức thực hiện; định kỳ hằng năm báo cáo UBND huyện và Phòng Giáo dục và Đào tạo.

Lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững lĩnh vực giáo dục và đào tạo vào quá trình xây dựng, chỉ đạo thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển giáo dục của địa phương để từ đó huy động các nguồn lực cho tổ chức thực hiện.

VI. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch lấy từ: nguồn ngân sách chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo trong dự toán được giao hằng năm và các nguồn huy động hợp pháp khác của các đơn vị, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo phân cấp quản lý hiện hành.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu thấy cần chỉnh sửa, bổ sung những nội dung cụ thể, các Phòng, ban, UBND các xã, thị trấn và các tổ chức chính trị khác chủ động phối hợp với Phòng Giáo dục và Đào tạo báo cáo UBND huyện xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở GD&ĐT;
- TT Huyện ủy,
- TT HĐND huyện;
- CT và PCT huyện;
- Chánh VP HĐND-UBND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn trực thuộc;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Quốc Phụng